

Số 153/VNIA-HC-CV

Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dược - Trang Thiết bị Y tế Bình Định

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, chúng tôi đã nhận được Công văn số 511/CTCPD đề ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Công ty Cổ phần Dược - Trang Thiết bị Y tế Bình Định (“Bidiphar”) về việc xác nhận các nội dung giải trình liên quan đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc 31/12/2015, 31/12/2016 và báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Công văn số 1759/SGDHCM-NY ngày 14/12/2017 về việc chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ niêm yết. Chúng tôi xin xác nhận các nội dung giải trình của Công ty tại Công văn số 511/CTCPD ngày 22 tháng 3 năm 2018 (đính kèm Công văn số 511/CTCPD) trên cơ sở phù hợp với các tài liệu và thông tin tài chính Bidiphar đã cung cấp cho chúng tôi trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, 31/12/2016 và quá trình soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017.

Nếu Quý Công ty có câu hỏi nào, xin vui lòng thông báo cho chúng tôi để cùng trao đổi.

Trân trọng,

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

**Phó Tổng Giám đốc kiêm
Phó Giám đốc Chi nhánh**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn thư



Lê Đình Tứ

Số: 5111/CTCPD

Bình Định, ngày 22 tháng 3 năm 2018

V/v Giải trình số liệu và cung cấp thông tin chi tiết trên BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC soát xét 6 tháng 2017 và BCTC 9 tháng 2017.

Kính gửi: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) hiện đang thực hiện hồ sơ niêm yết chứng khoán trên SGDCCK TP. Hồ Chí Minh. Theo yêu cầu V/v “Chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đăng ký niêm yết” căn cứ theo công văn số 1759/SGDHCM-NY ngày 14/12/2017 của SGDCCK TP. Hồ Chí Minh, Bidiphar xin giải trình về số liệu và thuyết minh chi tiết trên BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC soát xét 6 tháng 2017 và BCTC 9 tháng 2017 của Công ty như sau:

I. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015

Năm 2015, cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) bao gồm các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và Công ty liên kết là Công ty cổ phần Cao su Bidiphar. Do đó, năm 2015 chỉ lập Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng giảm giá đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228 và các quy định về kế toán hiện hành.

Toàn bộ số liệu giải trình, cung cấp thông tin của Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 dựa vào báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dược Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) trong năm 2015.

1. Nội dung số 1:

Cung cấp thông tin chi tiết các khoản mục có giá trị lớn bao gồm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng; Trả trước cho người bán ngắn hạn; Phải thu về cho vay ngắn hạn; Khoản phải trả người lao động; Hàng tồn kho. Cụ thể như sau:

1.1. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	255.394.156.873	252.531.873.358
BVĐK Tỉnh Bình Định	8.932.853.645	2.983.028.104
TTYT TP.Quy Nhơn	1.420.982.763	3.388.677.095
TTYT Vĩnh Thạnh	1.496.802.825	1.377.581.939
TTYT Phù Cát	2.182.390.883	850.343.278
TTYT Phù Mỹ	2.397.730.895	3.012.011.028
TTYT Hoài Nhơn	1.009.756.228	396.443.514
Cty TNHH Phúc An	3.253.912.959	7.253.912.959
Cty CP Muối và TP BĐ	5.336.428.468	-

Công ty TNHH DP Đông Phương	2.518.651.346	1.819.837.140
Cty CP Dược-VTYT T.Hóa	1.958.792.446	2.659.248.296
CBF COFFEE	1.357.956.600	1.293.810.700
CBF PHARMA Co.,ltd	3.969.761.664	1.081.405.960
F.D PHARMA Co.,ltd -	7.958.163.563	8.009.843.181
LVF RUBBER Co.,ltd	7.322.055.312	9.114.182.824
Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	944.234.452	1.012.350.658
Cty CP Dược VTYT Kon Tum	1.263.141.282	794.021.915
Cty CP XNK Y tế Gia	1.631.357.314	2.276.239.569
Bệnh Viện Bạch Mai	3.267.506.172	17.179.344
Bệnh Viện Đa Khoa Đức Giang	1.952.008.250	
Bệnh Viện Hữu Nghị	1.152.384.582	132.678.504
Viện Huyết Học Truyền Máu Trung Ương	1.731.569.171	1.403.021.714
Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Phú Thọ	1.455.239.646	164.183.040
Bệnh Viện Đa Khoa Tuyên Quang	4.401.487.825	1.519.929.546
Công ty TNHH TM Dược & TTB Y Tế Đức Phát	1.610.070.000	1.772.925.000
BVĐK tỉnh Quảng Trị	970.098.447	501.194.043
BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	1.808.918.527	1.507.708.058
BVĐK KVMN PB Quảng Nam	1.602.642.275	327.092.351
Cty CP Đông Dương	2.575.746.445	2.273.541.261
Bệnh Viện Đà Nẵng	995.088.440	191.167.197
Bệnh Viện Trung Ương Huế	2.532.928.373	8.400.570.696
Bệnh Viện Ung Bướu Đà Nẵng	1.682.412.805	100.510.683
Công Ty Cổ Phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	1.240.153.633	6.455.999.754
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước	1.755.527.959	582.868.959
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Lắk	1.041.044.389	802.587.202
Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	5.482.902.595	4.944.880.366
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	2.674.428.912	1.212.062.421
Bệnh Viện Thống Nhất Tp. Hồ Chí Minh	2.227.236.675	943.939.280
Bệnh viện An Bình	984.463.000	249.825.660
Bệnh viện Bình Dân	1.013.046.574	1.119.504.960
Bệnh viện Chợ Rẫy	5.432.226.329	9.918.734.437
Bệnh viện Đa khoa Khu vực Củ Chi	1.509.637.956	916.484.898
Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	4.468.776.334	1.395.794.253
Bệnh viện Nhân Dân 115	4.260.146.749	1.384.139.474
Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	2.965.419.396	1.754.419.979
Bệnh viện Nhi Đồng 2	1.258.753.220	1.290.389.520
Bệnh viện Quận Bình Tân	1.458.403.872	1.899.558.864
Bệnh viện Quận Thủ Đức	1.091.040.658	594.672.589
Bệnh viện Quân Y 175	1.259.294.863	772.660.500
Bệnh viện Trung Vương	1.053.293.575	981.481.155
Bệnh viện Từ Dũ	1.193.914.770	1.592.895.360
Bệnh viện Ung Bướu TP HCM	3.110.495.844	2.362.568.439
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	1.660.046.766	361.821.810
Khoa Dược - BV Ung Bướu TP Cần Thơ	1.860.846.484	255.554.113
Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	1.876.353.955	845.828.017
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh	965.358.692	19.605.390
Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang	1.107.034.369	1.606.492.419



Bệnh viện Đồng Nai	1.802.776.134	2.564.178.721
Bệnh viện Thống Nhất – Đồng Nai	1.256.379.451	457.411.560
Các khách hàng khác	116.692.080.116	134.558.480.626
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	5.052.393.035-
c) Phải thu của khách hàng là người nội bộ	-	-

1.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	30.333.859.132	712.920.151
Công ty Trung Lập	11.651.550.000	-
CTCP CĐ Lạnh Đông Á	4.227.197.880	-
Công ty Minh Khang	2.810.000.000	-
GEL TECH CO	1.822.151.700	-
Công ty TNHH Kiến Tạo	1.112.891.956	-
Công ty TNHH Kinh Bô	1.050.000.000	-
Cơ khí Minh Phú	977.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	6.683.067.596	712.920.151
b) Trả trước cho các bên liên quan	-	-
c) Trả trước cho người nội bộ	-	-

1.3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	727.446.288	758.302.955
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn khách hàng	-	-
b) Phải thu về cho vay ngắn hạn CBCNV	727.446.288	758.302.955
Nguyễn Duy Nghĩa	246.185.482	246.185.482
Huỳnh Đồ Sơn	190.610.806	190.610.806
Nguyễn Quốc Hưng	260.650.000	260.650.000
Lê Thị Diệu Loan	30.000.000	60.856.667
c) Phải thu về cho vay ngắn hạn là người nội bộ	-	-

Giải trình về khoản cho vay ngắn hạn:

Công ty cổ phần Dược Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) chính thức trở thành Công ty đại chúng vào ngày 25/11/2014 theo công văn chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước số 6546/UBCK-QLPH. Do đó, kể từ thời điểm trở thành công ty đại chúng, Công ty phải tuân theo các quy định về quản trị công ty đại chúng tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012.

04 cán bộ nhân viên có phát sinh khoản nợ vay ngắn hạn không phải cổ đông, không phải người liên quan, không phải người nội bộ của Công ty. Công ty thực hiện cho vay đối với các nhân viên này đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Thông tư số 121/2012/TT-BTC. Đối với các khoản cho vay này, Công ty đều tính lãi cho vay với lãi suất tương đương lãi suất cho vay cá nhân của các ngân hàng thương mại tại mỗi thời điểm phát sinh.

1.4. Khoản phải trả người lao động

<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
VND	VND

259
NG TY
PHÂN
ANG TH
INH Đ
IPHAR
7N-T.B

Phải trả người lao động	53.490.474.804	14.722.120.514
Lương	53.145.299.804	14.722.120.514
Ăn ca	345.175.000	-

Giải trình về khoản phải trả người lao động:

Số dư quỹ tiền lương tại ngày 31/12/2015 cao vượt trội so với số dư quỹ tiền lương tại ngày 31/12/2014, vì năm 2015 Công ty CP Dược phẩm Bidiphar 1 sáp nhập vào Công ty CP Dược Trang Thiết bị Y tế Bình Định.

1.5. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	87.367.967.020	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	389.085.273	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.546.622.387	-	89.886.517	-
Thành phẩm	62.712.092.607	-	2.015.955.513	-
Hàng hóa	15.567.412.580	-	72.921.688.535	-
Hàng gửi đi bán	-	-	19.379.723.140	-
	174.194.094.594	-	94.796.338.978	-

Nguyên nhân Công ty không trích lập dự phòng hàng tồn kho:

Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính V/v hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau: *“Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm nếu giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thì doanh nghiệp phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho”*.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2015, qua việc kiểm tra giữa giá vốn hàng tồn kho và giá bán sản phẩm xét thấy hàng tồn kho của Công ty có giá gốc ghi trên sổ kế toán thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với giá bán sản phẩm không bị giảm giá đồng thời qua soát xét trong quá trình kiểm kê thì không có hàng hóa nguyên vật liệu kém chất lượng, hư hỏng hay hết hạn sử dụng nên Công ty không trích lập dự phòng hàng tồn kho.

1.6. Thuyết minh chi tiết về nợ xấu và chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi như hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 vì công ty trích lập, hoàn nhập dự phòng với giá trị lớn qua các năm.

a. Nợ xấu:

	31.12.2015		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	33.305.721.833	14.462.337.438	(18.843.384.395)

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	<u>31/12/2016</u>
	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	147.868.000
Tăng dự phòng	18.695.516.395
Số dư cuối năm	18.843.384.395

Giải trình việc không thuyết minh chi tiết nợ xấu trên BCTC:

Căn cứ Điều 101 Thông tư 200/2014/TT-BTC yêu cầu trình bày BCTC “Thông tin tài chính phải được trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu. Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thông tin thiếu chính xác có thể làm ảnh hưởng tới quyết định của người sử dụng thông tin tài chính của đơn vị báo cáo. Tính trọng yếu dựa vào bản chất và độ lớn, hoặc cả hai, của các khoản mục có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của một đơn vị cụ thể.”

Các khoản nợ xấu của Bidiphar hầu hết đều nằm tại các bệnh viện và trung tâm y tế. Vì lý do ngân sách nhà nước chưa giải ngân hoặc đang chờ giải ngân và đa số công nợ đều đòi được (do các khách hàng trên đều là tổ chức sử dụng kinh phí nhà nước) và đồng thời xét trên tổng thể công nợ phải thu khách hàng, Công ty đánh giá mức độ này không trọng yếu. Do đó, không trình bày chi tiết trên thuyết minh báo cáo tài chính.

b. Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	<u>Tại 31/12/2015</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Techcom life Việt Nam	147.868.000	-
Công ty Trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Đông Phương	1.364.655.020	955.258.514
CBF Coffee Co.,Ltd	1.293.810.700	-
F.D PHARMA Co.,Ltd - Cambodia	7.693.936.678	2.115.575.899
LVF RUBBER Co.,Ltd	6.975.710.986	2.092.713.296
Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định	5.047.395.135	2.684.675.419
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phúc An	3.253.912.959	1.626.956.480
Khoa Dược Bệnh Viện Cà Mau	232.392.162	162.674.513
Bệnh viện đa khoa huyện Chợ Mới	751.657.177	526.160.024
Bệnh Viện Nguyễn Trãi	235.031.793	164.522.255
Bệnh Viện Quận Bình Tân	359.652.825	251.756.978
Trung Tâm Y Tế Thị Xã Bến Cát	300.747.345	210.523.142
Công Ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược Đường Minh	338.688.000	169.344.000
Trung tâm y tế Khánh Sơn	395.795.862	197.897.931
Viện Huyết Học Truyền Máu Trung Ương	555.928.943	359.189.540
Bệnh Viện Đa Khoa Lê Chân	207.325.440	145.127.808
Trung Tâm Y Tế Huyện Dương Kinh	226.731.121	145.635.337
Các khách hàng khác	3.924.481.687	2.654.326.304
Cộng	33.305.721.833	14.462.337.438



1.7. Thuyết minh chi tiết “Chi phí nhân viên” do chi phí này chiếm tỷ trọng lớn trong “Chi phí bán hàng” và “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

	<u>31/12/2015</u>
	<u>VND</u>
+ Chi phí nhân viên trong CPBH	82.618.649.636
<i>Lương</i>	76.883.915.884
<i>Ăn ca</i>	2.438.087.500
<i>Các khoản bảo hiểm</i>	3.034.122.153
<i>KPCĐ</i>	262.524.099
+ Chi phí nhân viên trong CPQLDN	36.438.915.119
<i>Lương</i>	34.217.049.070
<i>Ăn ca</i>	772.937.500
<i>Các khoản bảo hiểm</i>	1.318.869.123
<i>KPCĐ</i>	130.059.426

2. Nội dung số 2:

Thuyết minh 33 về “Lợi nhuận khác”: Trong năm Công ty sáp nhập CTCP Dược phẩm Bidiphar 1 bằng cách phát hành thêm 15.055.579 cổ phiếu để hoán đổi cổ phần với CTCP Dược phẩm Bidiphar 1 theo tỷ lệ 1:2,3. Đề nghị Công ty cung cấp thông tin chi tiết khoản “Thu nhập từ sáp nhập” 143,79 tỷ đồng trong “Lợi nhuận khác” cũng như cơ sở ghi nhận khoản lợi nhuận này mang lại từ việc sáp nhập.

Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định số 707/NQ - ĐHĐCĐ ngày 21/10/2014;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên CTCP Dược phẩm Bidiphar 1 số 123/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2014;
- Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định để cổ phần hóa số VC13/09/21/DN ngày 30/09/2013 do Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam thực hiện;
- Biên bản kết luận kiểm tra của Sở tài chính tỉnh Bình Định ngày 13/06/2014 thẩm định các khoản đầu tư của Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

(i) Xác định giá trị hợp lý của CTCP Dược phẩm Bidiphar 1

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 đã được kiểm toán, giá trị tài sản thuần tại ngày 31/12/2014 của Công ty cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 được xác định như sau:

Chỉ tiêu	<i>Đơn vị tính: VND</i> 31/12/2014
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.961.590.801
Các khoản phải thu ngắn hạn	157.892.290.109

Hàng tồn kho	110.603.863.185
Tài sản ngắn hạn khác	6.440.781.553
Các khoản phải thu dài hạn	-
Tài sản cố định	69.595.312.422
Tài sản dở dang dài hạn	-
Đầu tư tài chính dài hạn	46.800.000.000
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	44.800.000.000
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	2.000.000.000
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	3.308.733.761
	396.602.571.831

Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	126.718.131.809
Nợ dài hạn	14.258.860.264
	140.976.992.073

Tổng tài sản thuần (a)	255.625.579.758
-------------------------------	------------------------

Lãi chuyển nhượng vốn góp từ công ty liên doanh liên kết (b)

Tại ngày 29/12/2014 Công ty cổ phần Bidiphar 1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng số vốn đầu tư của Công ty cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 tại Công ty cổ phần Fresenius Kabi:

Vốn gốc	44.800.000.000
Tổng tiền chuyển nhượng	156.800.000.000
Lãi chuyển nhượng vốn	112.000.000.000

(Công ty cổ phần Fresenius Kabi đã chuyển tiền cho Công ty cổ phần Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định 15/01/2015)

Cơ sở ghi nhận khoản 112 tỷ đồng vào Lãi chuyển nhượng vốn góp từ công ty liên doanh liên kết vào thu nhập khác: Căn cứ thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn về hạch toán kế toán khi thu hồi vốn góp từ Công ty liên doanh liên kết thì số tiền thu được sẽ giảm trừ vốn gốc, còn lại chênh lệch dương thì hạch toán thu nhập còn chênh lệch âm thì hạch toán chi phí tài chính.

Giá trị hợp lý của CTCP Dược phẩm Bidiphar 1 = (a) + (b)	367.625.579.758
---	------------------------

(ii) Xác định giá phí sáp nhập

+ Số cổ phiếu đã phát hành của Bidiphar 1	10.500.000 CP
Số cổ phiếu của Bidiphar 1 mà Bidiphar nắm giữ tại ngày 31/12/2014 (theo Báo cáo tài chính Công ty CP Dược phẩm Bidiphar 1 đã kiểm toán năm 2014)	3.954.096 CP
Số lượng cổ phiếu còn lại của các cổ đông khác tại Bidiphar 1	6.545.904 CP
+ Số lượng cổ phiếu Bidiphar phát hành thêm để hoán đổi cho các cổ đông khác tại Bidiphar 1 (hoán đổi theo tỷ lệ 1:2,3)	15.055.579
<i>Trong đó:</i>	
<i>Số lượng cổ phiếu phát hành</i>	15.055.508

Giá trị theo mệnh giá của số cổ phiếu Bidiphar đã phát hành (c)	150.555.790.000
Giá trị phần cổ phiếu Bidiphar 1 mà Bidiphar nắm giữ (d)	73.282.996.312

(Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định để cổ phần hóa số VC13/09/21/DN ngày 30/09/2013 do Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam thực hiện và Biên bản kết luận kiểm tra của Sở tài chính tỉnh Bình Định ngày 13/06/2014 thẩm định các khoản đầu tư của Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần)

Số cổ phiếu của Bidiphar1 mà Bidiphar nắm giữ: 3.954.096 cổ phiếu có giá trị theo sổ sách kế toán tại Công ty Dược trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại thời điểm ngày 31/12/2012 là 47.449.152.000 đồng.

Tại mục 4, phần 3 Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Dược Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) để cổ phần hóa số Vc 13/09/21/DN ngày 30/09/2013 do Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam thực hiện, đã xác định lại giá trị cổ phiếu của Bidiphar1 mà Bidiphar nắm giữ: 3.954.096 cổ phiếu với giá trị là 67.222.783.226 đồng. (Đính kèm Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số VC13/09/21/DN và phụ lục số 09).

Tại mục 2, phần III Biên bản kết luận kiểm tra báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 28/02/2014 của Công ty Dược – Trang Thiết bị Y tế Bình Định, đoàn kiểm tra Sở Tài Chính tỉnh Bình Định đánh giá lại giá trị đầu tư vào Công ty cổ phần Dược phẩm Bidiphar1 tăng: 6.060.213.086 đồng. (Đính kèm Biên bản kết luận kiểm tra của Sở tài chính tỉnh Bình Định ngày 13/06/2014).

⇒ Do đó **Giá trị cổ phiếu Bidiphar 1 mà Bidiphar nắm giữ**: = 67.222.783.226 đồng + 6.060.123.086 đồng = **73.282.996.312 đồng**

Giá phí sáp nhập Bidiphar 1 vào Bidiphar = (c) + (d)	223.838.786.312
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá phí sáp nhập = (i) – (ii) = 367.625.579.758 đồng - 223.838.786.312 đồng	143.786.793.446

Khoản chênh lệch giữa giá trị hợp lý của Công ty cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 và giá phí sáp nhập được ghi nhận vào khoản Thu nhập khác của Công ty.

Căn cứ để ghi nhận khoản chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá phí sáp nhập 143.786.793.446 đồng vào thu nhập khác:

Theo hướng dẫn tại chuẩn mực số 11 (VAS 11):

Khoản vượt trội giữa phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của bên bị mua so với giá phí hợp nhất kinh doanh

55. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận theo quy định tại đoạn 36 vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì bên mua phải:

a) Xem xét lại việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh; và

b) Ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tất cả các khoản chênh lệch vẫn còn sau khi đánh giá lại.

56. Một khoản thu nhập đã ghi nhận theo đoạn 55 có thể bao gồm một hoặc tất cả các yếu tố sau đây:

a) Những sai sót khi xác định giá trị hợp lý của giá phí hợp nhất kinh doanh hoặc của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua. Giá phí dự kiến có thể phát sinh của bên bị mua đã không phản ánh chính xác theo giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định và nợ tiềm tàng của bên bị mua là nguyên nhân tiềm tàng của những sai sót này.

b) Quy định của Chuẩn mực kế toán về xác định giá trị tài sản thuần có thể xác định được đã mua ở mức không phải giá trị hợp lý nhưng được coi như giá trị hợp lý nhằm mục đích phân bổ giá phí của việc hợp nhất kinh doanh, như hướng dẫn trong Phụ lục A về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của bên bị mua; hướng dẫn xác định cho tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả không được chiết khấu.

c) Khoản giảm giá mua.

Do đó phần chênh lệch giữa giá phí sáp nhập và giá trị tài sản tại bên bị sáp nhập được gọi là **lợi thế thương mại âm (bất lợi thương mại)**, và được ghi nhận vào thu nhập khác.

3. Nội dung số 3:

Thuyết minh 29 về “Doanh thu hoạt động tài chính”: Đề nghị Công ty thuyết minh chi tiết khoản 5,3 tỷ đồng cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm 2015.

Chi tiết cổ tức được chia trong năm 2015 như sau:

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Vốn góp của Bidiphar	Tiền cổ tức nhận được
1	Công ty cổ phần Thiên Phúc	15.600.760.000	2.000.000.000	100.000.000
2	Công ty CP Dược VTYT Nghệ An	40.000.000.000	205.710.000	164.568.000
3	Công ty CP Fresenius Kabi Bidiphar	224.000.000.000	44.800.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng				5.264.568.000

4. Nội dung số 4:

Thuyết minh về các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định
Công ty cổ phần Cao su Bidiphar

Cổ đông lớn
Công ty liên kết

a. Giao dịch với các bên liên quan:

Trong năm 2015 các bên liên quan có phát sinh giao dịch như sau:

a1. Cổ tức đã trả	Năm 2015 VNĐ	Năm 2014 VNĐ
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định	17.460.755.000	-

a2. Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc được nhận trong năm 2015 như sau:

	Năm 2015 VND	Từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.740.762.964	2.125.396.535

b. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định	26.191.200.000	17.460.755.000

II. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016

Năm 2016 cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) bao gồm 03 công ty con, 01 công ty liên kết và 18 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Trong năm 2016 các công ty con đang trong quá trình thuê đất và chuẩn bị xây dựng cơ sở hạ tầng do đó chưa phát sinh các giao dịch làm phát sinh doanh thu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng giảm giá đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Do đó, toàn bộ số liệu giải trình, cung cấp thông tin liên quan đến Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 được cung cấp dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2016 của Bidiphar. Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất của Công ty năm 2016 được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC.

1. Nội dung số 1:

Thuyết minh chi tiết các khoản mục có giá trị lớn bao gồm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng; Trả trước cho người bán ngắn hạn; Phải thu về cho vay ngắn hạn; Khoản phải trả người lao động; Hàng tồn kho. Cụ thể như sau:

1.1. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	319.406.083.735	255.394.156.873
TTYT TP.Quy Nhơn	7.859.818.610	1.420.982.763
F.D PHARMA Co.,ltd -	7.718.285.784	7.958.163.563
BV Ung Bướu TPHCM	7.174.316.324	3.110.495.844
BVĐK Tỉnh Bình Định	6.486.880.916	8.932.853.645
Cty CP Dược Lâm Đồng	5.868.516.440	5.482.902.595
Bệnh Viện Nguyễn Tri Phương	5.819.640.923	4.468.776.334
Bệnh Viện Đà Nẵng	5.477.136.021	995.088.440
Công ty TNHH Thành Thy	5.200.000.000	-
Bệnh Viện Nhân Dân 115	4.879.408.362	4.168.418.749
TTYT Phù Mỹ	4.847.526.069	2.397.730.895
Bệnh viện Ung Bướu Cần Thơ	4.705.273.555	1.860.846.484
CBF PHARMA Co.,ltd	4.712.232.208	3.969.761.664
Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	4.319.750.450	1.802.776.134
Bệnh viện Bình Dân	3.996.085.358	1.013.046.574
Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	3.717.924.196	4.401.487.825

Bệnh viện Trung Ương Huế	3.472.586.170	2.532.928.373
Bệnh viện K	3.112.257.300	148.232.386
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ	3.082.960.566	1.455.239.646
Bệnh Viện Từ Dũ	3.054.372.697	1.193.914.770
Cty TNHH Phúc An	2.753.912.959	3.253.912.959
Bệnh viện Chợ Rẫy	2.638.840.319	5.432.226.329
Bệnh viện Đa khoa TP Cần Thơ	2.623.681.587	565.023.847
Công ty TNHH DP Đông Phương	2.518.651.346	2.518.651.346
Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An	2.471.034.200	504.335.566
Cty CP Dược Hà Tĩnh	2.415.361.959	-
Bệnh Viện Nguyễn Trãi	2.402.975.616	713.297.170
Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Củ Chi	2.274.333.091	1.509.637.956
Bệnh Viện Quận 8	2.254.628.458	755.164.208
Bệnh Viện Ung Bướu Đà Nẵng	2.247.325.669	1.682.412.805
BV Mắt Bình Định	2.176.272.822	-
TTYT Vĩnh Thạnh	2.176.214.979	1.496.802.825
Bệnh Viện Nhi Đồng 1	2.171.944.037	-
CBF COFFEE	2.141.825.971	1.357.956.600
BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	2.001.534.711	1.808.918.527
Bệnh viện đa khoa Tỉnh Bình Dương	1.957.996.471	294.663.497
Bệnh Viện Nhân Dân Gia Định	1.933.666.460	2.965.419.396
Bệnh Viện Hữu Nghị Việt Tiệp	1.817.454.492	17.656.380
Công ty TNHH TM Dược Thanh Phương	1.766.572.500	-
BVĐK Tỉnh Bình Phước	1.722.133.939	1.755.527.959
Bệnh viện Giao Thông Vận tải Vinh	1.687.902.335	111.571.619
Bệnh viện Đa khoa Cà Mau	1.681.432.650	36.754.732
Bệnh Viện Quân Y 175	1.635.220.734	1.259.294.863
TTYT Phù Cát	1.619.067.304	2.182.390.883
Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa	1.888.394.508	2.674.428.912
Bệnh Viện Quận 2	1.573.093.705	247.585.340
BVĐK TƯ CẦN THƠ	1.557.512.730	775.994.051
Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Thủ Đức	1.533.370.722	782.197.694
Bệnh viện Đa Khoa Kiên Giang	1.490.288.552	1.876.353.955
Bệnh viện Đa Khoa Tỉnh Bình Thuận	1.472.849.002	118.651.890
BVĐK Kon Tum	1.461.162.920	273.779.835
Cty CP XNK Y tế Gia lai	1.447.329.510	1.631.357.314
Bệnh Viện Trường Đại Học Y - Dược Huế	1.440.112.764	524.459.330
Công ty CP Dược-VTYT Thanh Hóa	1.430.986.048	-
Bệnh Viện Nhi Đồng 2	1.395.177.112	1.258.753.220
Bệnh Viện Trung Vương	1.394.047.786	1.053.293.575
Cty TNHH Đức Phát	1.389.648.750	1.610.070.000
Cty CP BV Đa Khoa Hòa Bình	1.301.834.595	895.232.657
Các khách hàng khác	152.035.318.474	154.045.004.949
<i>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	-	-
<i>c) Phải thu của khách hàng là người nội bộ</i>	-	-

1.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	57.615.319.272	30.333.859.132
Cty Sapharco	13.484.855.875	-
Cty CBF Coffee	10.089.519.500	-
SHANGHAI TOFFLON	8.501.002.660	-
Cty Trung Lập	3.228.960.000	11.651.550.000
Cty Minh Khang	2.810.000.000	2.810.000.000
Cty CP CE Lạnh Đông Á	1.435.030.629	4.227.197.880

Các nhà cung cấp khác	18.065.950.608	11.645.111.252
<i>b) Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>c) Trả trước cho người nội bộ</i>	-	-

1.3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>31.12.2016</u>	<u>01.01.2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn	585.608.788	727.446.288
<i>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn khách hàng</i>	-	-
<i>b) Phải thu về cho vay ngắn hạn CBCNV</i>	<i>585.608.788</i>	<i>727.446.288</i>
Nguyễn Duy Nghĩa	246.185.482	246.185.482
Huỳnh Đồ Sơn	189.423.306	190.610.806
Nguyễn Quốc Hưng	-	260.650.000
Lê Thị Diệu Loan	-	30.000.000
Sử Thị Liên	150.000.000	-
<i>c) Trong đó phải thu về cho vay ngắn hạn là người nội bộ</i>	-	-

Giải trình về khoản cho vay ngắn hạn:

Công ty cổ phần Dược Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) chính thức trở thành Công ty đại chúng vào ngày 25/11/2014 theo công văn chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước số 6546/UBCK-QLPH. Do đó, kể từ thời điểm trở thành công ty đại chúng, Công ty phải tuân theo các quy định về quản trị công ty đại chúng tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012.

Các cán bộ nhân viên có phát sinh khoản nợ vay ngắn hạn không phải cổ đông, không phải người liên quan, không phải người nội bộ của Công ty. Công ty thực hiện cho vay đối với các nhân viên này đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Thông tư số 121/2012/TT-BTC. Đối với các khoản cho vay này, Công ty đều tính lãi cho vay với lãi suất tương đương lãi suất cho vay cá nhân của các ngân hàng thương mại tại mỗi thời điểm phát sinh.

1.4. Khoản phải trả người lao động

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người lao động	70.359.021.189	53.490.474.804
Lương	69.959.958.689	53.145.299.804
Ăn ca	399.062.500	345.175.000

1.5. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u> <u>VND</u>	<u>Dự phòng</u> <u>VND</u>	<u>Giá gốc</u> <u>VND</u>	<u>Dự phòng</u> <u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	9.378.131.212	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	102.393.581.842	-	87.367.967.020	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.130.527.257	-	8.546.622.387	-
Thành phẩm	79.319.439.684	-	62.712.092.607	-
Hàng hóa	27.897.377.047	-	15.567.412.580	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
	231.119.057.042	-	174.194.094.594	-

Nguyên nhân Công ty không trích lập dự phòng hàng tồn kho:

Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính V/v hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau: *“Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm nếu giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thì doanh nghiệp phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho”*.

Hàng tồn kho của Công ty được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Tại thời điểm ngày 31/12/2016, hàng tồn kho của Công ty có giá gốc ghi trên sổ kế toán thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với giá bán sản phẩm dịch vụ không bị giảm giá đồng thời qua soát xét trong quá trình kiểm kê thì không có hàng hóa nguyên vật liệu kém chất lượng, hư hỏng hay hết hạn sử dụng nên Công ty không trích lập dự phòng hàng tồn kho.

1.6. Thuyết minh chi tiết về nợ xấu và chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi như hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 vì công ty trích lập, hoàn nhập dự phòng với giá trị lớn qua các năm.

a. Nợ xấu:

	31.12.2016		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	17.261.687.137	3.567.868.523	(13.693.818.614)

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	31/12/2016 VND
Số dư đầu năm	18.843.384.395
Hoàn nhập dự phòng	(5.149.565.781)
Số dư cuối năm	13.693.818.614

Giải trình việc không thuyết minh chi tiết nợ xấu trên BCTC:

Căn cứ Điều 101 Thông tư 200/2014/TT-BTC yêu cầu trình bày BCTC *“Thông tin tài chính phải được trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu. Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thông tin thiếu chính xác có thể làm ảnh hưởng tới quyết định của người sử dụng thông tin tài chính của đơn vị báo cáo. Tính trọng yếu dựa vào bản chất và độ lớn, hoặc cả hai, của các khoản mục có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của một đơn vị cụ thể.”*

Các khoản nợ xấu của Bidiphar hầu hết đều nằm tại các bệnh viện và trung tâm y tế. Vì lý do ngân sách nhà nước chưa giải ngân hoặc đang chờ giải ngân và đa số công nợ đều đòi được (do các khách hàng trên đều là tổ chức sử dụng kinh phí nhà nước) và đồng thời xét trên tổng thể công nợ phải thu khách hàng, Công ty đánh giá mức độ này không trọng yếu. Do đó, không trình bày chi tiết trên thuyết minh báo cáo tài chính.

b. Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Tại 31/12/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Techcom life Việt Nam	147.868.000	-
CBF Coffee Co.,ltd	1.293.810.700	-
F.D PHARMA Co.,ltd - Cambodia	7.373.536.864	-
Bệnh viện Đồng Nai	173.218.500	112.735.350
Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Bình Thuận	695.979.554	481.482.088
Bệnh Viện Đa Khoa Khu vực LaGi	150.414.505	105.290.154
Bệnh viện Tuy Phong	145.581.073	101.906.751
Bệnh viện Chợ Rẫy	359.658.419	251.760.893
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phúc An	2.753.912.959	799.932.967
Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định	1.047.395.135	365.277.651
Công ty Trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Đông Phương	2.518.651.346	986.394.669
Công Ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược Đường Minh	101.012.000	30.303.600
Các khách hàng khác	500.648.082	332.784.400
Cộng	17.261.687.137	3.567.868.523

1.7. Thuyết minh chi tiết “Chi phí nhân viên” do chi phí này chiếm tỷ trọng lớn trong “Chi phí bán hàng” và “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

	<u>31/12/2016</u>
	<u>VND</u>
+ Chi phí nhân viên trong CPBH	129.989.062.484
<i>Lương</i>	123.252.496.336
<i>Ăn ca</i>	2.509.337.500
<i>Các khoản bảo hiểm</i>	3.890.861.639
<i>KPCĐ</i>	336.367.009
+ Chi phí nhân viên trong CPQLDN	43.681.653.036
<i>Lương</i>	40.946.183.026
<i>Ăn ca</i>	1.066.725.000
<i>Các khoản bảo hiểm</i>	1.545.782.731
<i>KPCĐ</i>	122.962.279

Khoản mục chi phí lương năm 2016 trong chi phí nhân viên bán hàng tăng so với năm 2015



vì trong năm 2016 hiệu quả bán hàng tăng so với 2015 , lương nhân viên bán hàng được hưởng theo hiệu quả do đó chi phí lương nhân viên bán hàng năm 2016 tăng so với năm 2015.

2. Nội dung số 2:

Đối với BCTC kiểm toán riêng lẻ 2016:

2.1 Thuyết minh 10 về “Tài sản cố định hữu hình”: Thuyết minh chi tiết về khoản khấu hao giảm 8,46 tỷ đồng do điều chỉnh khác trong năm.

Khấu hao giảm 8,46 tỷ đồng do điều chỉnh khác trong năm 2016 là do Công ty điều chỉnh lại bút toán đã ghi nhận khấu hao của tài sản được hình thành từ nguồn kinh phí nhà nước của các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học năm 2015 đã ghi nhận khấu hao toàn bộ giá trị 01 lần cho đúng quy định theo Thông tư 200/2014/TT-BTC thời gian thực hiện khấu hao theo thời gian thực hiện đề tài .

Bút toán hạch toán điều chỉnh khấu hao: Nợ 214/Có 466: 8.464.995.000 đồng. Và căn cứ vào thời gian của từng tài sản tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, ghi nhận khấu hao hàng năm.

Chi tiết giá trị máy móc điều chỉnh khấu hao giảm do tài sản được hình thành từ nguồn kinh phí nhà nước của các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học

	<u>31/12/2016</u>
	<u>VND</u>
Máy sắc ký lỏng cao áp UPLC-30AD	1.350.000.000
Hệ máy đun, ve tạo hạt	1.865.000.000
Máy đếm tiểu phân APSS 2000	899.995.000
Máy chấn thủy lực	550.000.000
Máy sắc ký lỏng khối phổ LCMS	3.800.000.000
	<u>8.464.995.000</u>

2.2 Thuyết minh 14 về “Đầu tư về công ty liên doanh, liên kết”: Nêu rõ cơ sở và tài liệu liên quan đến việc trích lập dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 228/2009/TT-BTC;
- Căn cứ Điều 1 Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ;
- Căn cứ Khoản 9 Điều 40, Điểm b Khoản 1 Điều 45, Khoản 2 Điều 99 Thông tư số 200/2014/TT-BTC.
- Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần cao su Bidiphar năm 2016 kết quả kinh doanh lỗ 3.140.628.998 đồng.

Do đó để dự phòng suy giảm giá trị các Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị Y Tế Bình Định đã trích lập dự phòng và cách tính như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Bình Định	33,58%	33,58%	Khai thác, chế biến mù cao su

+ Bảng trích lập dự phòng vào Công ty liên kết tại 31/12/2016.

	31.12.2016 VND
1. Tổng vốn chủ sở hữu của CTy CP Cao su Bidiphar	276.640.000.000
2. Vốn gốc đầu tư của CTy CP Dược TTB Y Tế BD (BIDIPHAR)	71.453.890.000
3. Tỷ lệ vốn góp của BIDIPHAR	33,58%
4. Thặng dư vốn cổ phần của CTy CP Cao su Bidiphar	63.840.000.000
5. Thặng dư vốn cổ phần của BIDIPHAR (5=3*4)	21.436.167.000
6. Tổng vốn đầu tư của BIDIPHAR đến 31.12.2016	92.890.057.000
7. Vốn chủ sở hữu thực có của CTy CP Cao su Bidiphar tại 31.12.2016	273.499.371.002
8. Mức trích lập dự phòng [8= ((1-7)*(6/1)]	1.054.559.017

3. Nội dung số 3:

Thuyết minh 15 về “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”: Nêu rõ cơ sở không trích lập dự phòng vào các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác.

Cơ sở pháp lý:

Căn cứ Điều 1 Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC quy định:

“a) Đối tượng: là các khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật (bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần không đủ điều kiện để trích lập dự phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, công ty liên doanh, công ty hợp danh) và các khoản đầu tư dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư)”. Việc trích lập dự phòng đầu tư dài hạn được thực hiện đối với các khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc, không áp dụng cho các khoản đầu tư trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

b) Điều kiện: Doanh nghiệp chỉ thực hiện trích lập dự phòng khi tổng số vốn đầu tư thực tế của chủ sở hữu cao hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế được đầu tư.

Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty có khoản mục “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”, là khoản đầu tư vào 03 Công ty: Công ty cổ phần Khoáng sản Biotan, Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An, Công ty TNHH Thiên Phúc. Năm 2016, cả 03 công ty trên đều có lợi nhuận và không có lỗ lũy kế, do đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng với các khoản đầu tư góp vốn trên.

4. Nội dung số 4:

Thuyết minh 16 về “Phải trả người bán ngắn hạn”: Thuyết minh chi tiết khoản ‘Phải trả nhà cung cấp khác’ do khoản này có số dư lớn

a) Phải trả người bán ngắn hạn

<u>31/12/2016</u>
<u>VND</u>
<u>249.650.094.189</u>

Trong đó:	
+ Cty CP Fresenius Kabi Bidiphar	70.519.556.117
+ Phải trả nhà cung cấp khác	179.130.538.072
<i>Chi tiết phải trả nhà cung cấp khác</i>	
Cty CP SX Oai Hùng Constantia	1.536.472.877
Cty Sapharco	13.576.070.582
Cty TNHH Bao Bì LạcViệt	4.271.977.138
Cty CP In & Bao Bì BÐ	2.330.693.439
Công ty CP Dược DANAPHA	1.619.355.267
Cty CP SUNDIAL Pharma	5.332.795.027
CN MT Cty CP Traphaco	2.179.045.625
CN Tân Bình Cty HAPHACO	2.476.958.037
Cty Vipharco	1.400.503.502
Cty Thiên Bảo Nguyên	2.598.416.646
Cty Trung Lập	3.705.903.964
Cty TNHH TM Phát An	2.158.335.000
Cty XNK&TBYT Đông Nam	2.161.932.001
Cty C.M.C Bình Định	2.163.227.740
Cty CP Dược Hậu Giang	2.994.429.375
Cty CP CÐ Lạnh Đông á	4.549.959.316
Cty TNHH SUHEUNG VN	1.717.991.000
Cty TNHH Kinh Bó	1.400.000.000
Công ty Gon sa miền trung	2.099.408.471
Cty Dược Hoài Phương	2.182.556.250
Cửa hàng Lộc Phát	2.147.076.574
Cty TNHH Minh Tuệ	2.469.626.460
DP Hữu Nghị	1.664.029.500
DP Me Ta	1.546.588.224
LUPIN LIMITED	2.478.412.500
KHS SYNCHEMICA CORP	4.678.673.050
SYMBIOTEC PHARMALAB LTD	4.034.744.000
KOPRAN limited	3.901.648.000
NECTAR LIFESCIENCES LTD	3.434.453.000
HANALL BIOPHARMA CO.	1.655.921.400
SHANGHAI TOFFLON	10.998.454.000
Cty TNHH May Thêu Giày An Phước	1.409.863.201
Các nhà cung cấp khác	76.255.016.906
<i>b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>	-
<i>c) Phải trả người bán ngắn hạn là người nội bộ</i>	-

5. Nội dung số 5:

Thuyết minh về các bên liên quan:

Bên liên quan

Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định
Công ty cổ phần Cao su Bidiphar

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Công ty liên kết

Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao	Công ty con
Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam	Công ty con
Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	Công ty con

a. Giao dịch với các bên liên quan: Trong năm 2016, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
a1. Góp vốn vào Công ty con		
Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao	2.340.000.000	-
Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam	4.680.000.000	-
Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	2.341.000.000	-

a2. Thu nhập của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc được nhận trong năm như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	3.780.922.730	2.740.762.964

b. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan:

Cổ tức phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định	26.191.200.000	26.191.200.000

III. Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2017

Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2017 của Công ty CP Dược - Trang Thiết bị Y Tế Bình Định được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC.

Tính đến 30/06/2017, cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) bao gồm 03 công ty con, 01 công ty liên kết và 18 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Các công ty con của Bidiphar đang trong quá trình thành lập nên chưa phát sinh doanh thu và các khoản mục liên quan.

Do đó, toàn bộ số liệu giải trình, cung cấp thông tin liên quan đến Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2017 tại phần này được cung cấp dựa trên Báo cáo tài chính soát xét hợp nhất 06 tháng đầu năm 2017 của Bidiphar.

1. Nội dung số 1:

Thuyết minh chi tiết các khoản mục có giá trị lớn bao gồm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng; Trả trước cho người bán ngắn hạn; Phải thu về cho vay ngắn hạn; Khoản phải trả người lao động; Hàng tồn kho.

1.1. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2017 VNĐ	01/01/2017 VNĐ
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	327.276.436.899	319.406.083.735
TTYT TP.Quy Nhơn	3.586.141.891	7.859.818.610
F.D PHARMA Co.,Ltd -	7.713.188.963	7.718.285.784
BV Ung Bướu TPHCM	10.483.276.216	7.174.316.324
BVĐK Tỉnh Bình Định	19.706.187.357	6.486.880.916

Cty CP Dược Lâm Đồng	5.281.186.662	5.868.516.440
Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	3.369.104.326	5.819.640.923
Bệnh viện Đà Nẵng	4.433.557.241	5.477.136.021
Công ty TNHH Thành Thy	-	5.200.000.000
Bệnh viện Nhân Dân 115	951.060.460	4.879.408.362
TTYT Phù Mỹ	3.744.716.943	4.847.526.069
Bệnh viện Ung Bướu Cần Thơ	2.362.416.277	4.705.273.555
CBF PHARMA Co.,ltd	57.318.868	4.712.232.208
Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	4.602.220.318	4.319.750.450
Bệnh viện Bình Dân	620.699.940	3.996.085.358
Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	1.784.316.247	3.717.924.196
Bệnh viện Trung Ương Huế	3.893.456.497	3.472.586.170
Bệnh viện K	4.922.035.397	3.112.257.300
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ	2.418.317.706	3.082.960.566
Bệnh viện Từ Dũ	1.848.021.396	3.054.372.697
Cty TNHH Phúc An	2.553.912.959	2.753.912.959
Bệnh viện Chợ Rẫy	4.778.957.877	2.638.840.319
Bệnh viện Đa khoa TP Cần Thơ	2.263.692.406	2.623.681.587
Công ty TNHH TM Đông Phương	1.025.564.240	2.518.651.346
Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An	3.283.923.144	2.471.034.200
Cty CP Dược Hà Tĩnh	1.516.737.975	2.415.361.959
Bệnh Viện Nguyễn Trãi	27.614.399	2.402.975.616
Bệnh viện Đa khoa Khu vực Củ Chi	1.266.438.272	2.274.333.091
Bệnh viện Quận 8	577.072.322	2.254.628.458
Bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng	1.669.142.679	2.247.325.669
BV Mắt Bình Định	-	2.176.272.822
TTYT Vĩnh Thạnh	2.216.740.666	2.176.214.979
Bệnh viện Nhi Đồng 1	48.758.159	2.171.944.037
CBF COFFEE Co., Ltd	2.140.411.602	2.141.825.971
BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	2.769.535.722	2.001.534.711
Bệnh viện đa khoa Tỉnh Bình Dương	31.409.629	1.957.996.471
Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	2.414.226.397	1.933.666.460
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp	1.243.036.788	1.817.454.492
Công ty TNHH TM Dược Thanh Phương	1.572.165.000	1.766.572.500
BVĐK Tỉnh Bình Phước	233.471.497	1.722.133.939
Bệnh viện Giao Thông Vận tải Vinh	1.173.018.019	1.687.902.335
Bệnh viện Đa Khoa Cà Mau	2.255.906.394	1.681.432.650
Bệnh viện Quân Y 175	1.002.784.230	1.635.220.734
TTYT Phù Cát	3.454.322.966	1.619.067.304
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	1.758.076.038	1.612.945.120
Bệnh viện Quận 2	4.536.000	1.573.093.705
Bệnh viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ	919.102.681	1.557.512.730
Bệnh viện Đa khoa Khu Vực Thủ Đức	133.219.895	1.533.370.722
Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	2.763.439.953	1.490.288.552
Bệnh viện ĐK T.Bình Thuận	831.263.659	1.472.849.002
BVĐK Kon Tum	500.401.208	1.461.162.920
Cty CP XNK Y tế Gia lai	1.254.330.406	1.447.329.510
Bệnh viện Trường Đại Học Y - Dược Huế	1.323.359.778	1.440.112.764
Công ty CP Dược-VTYT Thanh Hóa	-	1.430.986.048
Bệnh viện Nhi Đồng 2	1.183.941.333	1.395.177.112
Bệnh viện Trưng Vương	434.290.227	1.394.047.786
Cty TNHH Đức Phát	1.690.500.000	1.389.648.750
Cty CP BV Đa Khoa Hòa Bình	695.341.464	1.301.834.595
Các khách hàng khác	192.488.568.210	152.035.318.474
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
c) Phải thu của khách hàng là người nội bộ	-	-

64-6
 KIẾT BỊ
 (NH
 R)
 BÌNH P

1.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30.06.2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	42.708.119.964	57.615.319.272
Công ty Sapharco	4.066.252.845	13.484.855.875
Công ty CBF Coffee	6.206.891.572	10.089.519.500
SHANGHAI TOFFLON	-	8.501.002.660
Công ty Trung Lập	13.949.730.000	3.228.960.000
Công ty TNHH Lục Tinh	3.631.500.000	-
Công ty Minh Khang	2.810.000.000	2.810.000.000
Gea Refrigeration VN	1.232.000.000	-
Công ty TNHH An Phước	957.714.555	-
Cty CP CĐ Lạnh Đông Á	612.509.550	1.435.030.629
Các nhà cung cấp khác	9.241.521.442	18.065.950.608
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan	-	-
c) Trước cho người bán ngắn hạn là người nội bộ	-	-

1.3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.290.111.913	585.608.788
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn khách hàng	-	-
b) Phải thu về cho vay ngắn hạn của CBCNV	1.290.111.913	585.608.788
Nguyễn Duy Nghĩa	232.083.607	246.185.482
Huỳnh Đồ Sơn	158.028.306	189.423.306
Sử Thị Liên	-	150.000.000
Lê Thị Ngọc	300.000.000	-
Trần Bá Hiệp	600.000.000	-
c) Phải thu về cho vay ngắn hạn là người nội bộ	-	-

Giải trình về khoản cho vay ngắn hạn:

Công ty cổ phần Dược Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) chính thức trở thành Công ty đại chúng vào ngày 25/11/2014 theo công văn chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước số 6546/UBCK-QLPH. Do đó, kể từ thời điểm trở thành công ty đại chúng, Công ty phải tuân theo các quy định về quản trị công ty đại chúng tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012.

Các cán bộ nhân viên có phát sinh khoản nợ vay ngắn hạn không phải cổ đông, không phải người liên quan, không phải người nội bộ của Công ty. Công ty thực hiện cho vay đối với các nhân viên này đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Thông tư số 121/2012/TT-BTC. Đối với các khoản cho vay này, Công ty đều tính lãi cho vay với lãi suất tương đương lãi suất cho vay cá nhân của các ngân hàng thương mại tại mỗi thời điểm phát sinh.

1.4. Khoản phải trả người lao động

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả người lao động	59.938.299.359	70.359.021.189
Lương	59.482.679.359	69.959.958.689
Ăn ca	455.620.000	399.062.500



1.5. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	22.601.396.368	-	9.378.131.212	-
Nguyên liệu, vật liệu	129.245.226.193	-	102.393.581.842	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.783.249.371	-	12.130.527.257	-
Thành phẩm	109.205.997.033	-	79.319.439.684	-
Hàng hóa	37.059.290.727	-	27.897.377.047	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
	313.895.159.692	-	231.119.057.042	-

Nguyên nhân Công ty không trích lập dự phòng hàng tồn kho:

Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính V/v hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau: *“Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm nếu giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thì doanh nghiệp phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho”.*

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Tại thời điểm ngày 30/06/2017, hàng tồn kho của Công ty có giá gốc ghi trên sổ kế toán thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với giá bán sản phẩm dịch vụ không bị giảm giá và đồng thời qua soát xét trong quá trình kiểm kê thì không có hàng hóa nguyên vật liệu kém chất lượng, hư hỏng hay hết hạn sử dụng nên Công ty không trích lập dự phòng hàng tồn kho.

1.6. Thuyết minh chi tiết về nợ xấu và chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi như hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 vì công ty trích lập, hoàn nhập dự phòng với giá trị lớn qua các năm.

a. Nợ xấu:

	30.06.2017		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	10.753.635.393	284.696.385	(10.468.939.008)

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	30/06/2017 VND
Số dư đầu năm	13.693.818.614
Hoàn nhập dự phòng	(3.224.879.606)
Số dư cuối năm	10.468.939.008

Giải trình việc không thuyết minh chi tiết nợ xấu trên BCTC:

Căn cứ Điều 101 Thông tư 200/2014/TT-BTC yêu cầu trình bày BCTC “Thông tin tài chính phải được trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu. Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thông tin thiếu chính xác có thể làm ảnh hưởng tới quyết định của người sử dụng thông tin tài chính của đơn vị báo cáo. Tính trọng yếu dựa vào bản chất và độ lớn, hoặc cả hai, của các khoản mục có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của một đơn vị cụ thể.”

Các khoản nợ xấu của Bidiphar hầu hết đều nằm tại các bệnh viện và trung tâm y tế. Vì lý do ngân sách nhà nước chưa giải ngân hoặc đang chờ giải ngân và đa số công nợ đều đòi được (do các khách hàng trên đều là tổ chức sử dụng kinh phí nhà nước) và đồng thời xét trên tổng thể công nợ phải thu khách hàng, Công ty đánh giá mức độ này không trọng yếu. Do đó, không trình bày chi tiết trên thuyết minh báo cáo tài chính.

b. Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Tại 30/06/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
F.D PHARMA Co.,ltd - Cambodia	7.373.536.864	-
Công ty Techcom life Việt Nam	147.868.000	-
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phúc An	2.553.912.959	-
Công Ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược Đường Minh	101.012.000	4.233.600
Các khách hàng khác	577.305.570	280.462.785
Cộng	<u>10.753.635.393</u>	<u>284.696.385</u>

1.7. Thuyết minh chi tiết “Chi phí nhân viên” do chi phí này chiếm tỷ trọng lớn trong “Chi phí bán hàng” và “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

	30/06/2017
	VND
+ Chi phí nhân viên trong CPBH	53.702.474.044
<i>Lương</i>	50.056.302.832
<i>Ăn ca</i>	1.467.660.000
<i>Các khoản bảo hiểm</i>	2.001.888.308
<i>KPCĐ</i>	176.622.904
+ Chi phí nhân viên trong CPQLDN	26.114.571.855
<i>Lương</i>	25.552.918.259
<i>Ăn ca</i>	456.390.000
<i>Các khoản bảo hiểm</i>	49.549.367
<i>KPCĐ</i>	55.714.229

2. Nội dung số 2:

Thuyết minh về các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định
 Công ty cổ phần Cao su Bidiphar
 Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao
 Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam
 Công ty TNHH Bidiphar Betalactam

Cổ đông lớn
 Công ty liên kết
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con

a. Giao dịch với các bên liên quan:

Giữa niên độ năm 2017, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

a1. Cổ tức đã trả

	6T.2017 VNĐ	6T.2016 VNĐ
--	----------------	----------------

Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định	52.382.400.000	-
--------------------------------------	----------------	---

a2. Góp vốn vào Công ty con

	6T.2017 VNĐ	6T.2016 VNĐ
--	----------------	----------------

Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao	52.382.400.000	-
-------------------------------------	----------------	---

Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam	1.044.975.778	-
--------------------------------------	---------------	---

Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	523.280.220	-
----------------------------------	-------------	---

a3. Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc được nhận trong kỳ như sau:

	6T.2017 VNĐ	6T.2016 VNĐ
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	774.103.305	1.779.807.102

b. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

Cổ tức phải trả	Số dư 30.06.2017	Số dư 01.01.2017
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bình Định	-	52.382.400.000

IV. Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2017

Báo cáo tài chính hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của Công ty CP Dược - Trang Thiết bị Y Tế Bình Định được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC.

Tính đến 30/09/2017, cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) bao gồm 03 công ty con, 01 công ty liên kết và 18 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Các công ty con của Bidiphar đang trong quá trình thành lập nên chưa phát sinh doanh thu và các khoản mục liên quan.

Do đó, toàn bộ số liệu giải trình, cung cấp thông tin liên quan đến Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2017 tại phần này được cung cấp dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất 09 tháng đầu năm 2017 của Bidiphar.

1. Nội dung số 1:

Thuyết minh chi tiết các khoản mục có giá trị lớn bao gồm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng;

Trả trước cho người bán ngắn hạn; Phải thu về cho vay ngắn hạn; Khoản phải trả người lao động; Hàng tồn kho. Cụ thể như sau:

1.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	355.361.213.902	319.406.083.735
TTYT TP.Quy Nhơn	6.915.748.713	7.859.818.610
F.D PHARMA Co.,ltd -	7.373.536.864	7.373.536.864
BV Ung Bướu TPHCM	7.970.844.052	7.174.316.324
BVĐK Tỉnh Bình Định	30.526.836.886	6.486.880.916
Cty CP Dược Lâm Đồng	7.256.417.278	5.868.516.440
Bệnh Viện Nguyễn Tri Phương	2.527.018.966	5.819.640.923
Bệnh Viện Đà Nẵng	4.949.236.335	5.477.136.021
Công ty TNHH Thành Thy	-	5.200.000.000
Bệnh Viện Nhân Dân 115	649.421.525	4.879.408.362
TTYT Phù Mỹ	722.315.785	4.847.526.069
Bệnh viên Ung Bướu Cần Thơ	1.908.629.940	4.705.273.555
CBF PHARMA Co.,ltd	2.227.931.128	4.650.839.619
Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	4.337.387.666	4.319.750.450
Bệnh viện Bình Dân	1.262.494.538	3.996.085.358
Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	4.251.951.270	3.717.924.196
Bệnh viện Trung Ương Huế	6.108.729.186	3.472.586.170
Bệnh viện K	5.548.063.959	3.112.257.300
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ	2.320.225.698	3.082.960.566
Bệnh Viện Từ Dũ	480.459.389	3.054.372.697
Cty TNHH Phúc An	-	2.753.912.959
Bệnh viện Chợ Rẫy	4.295.785.237	2.638.840.319
Bệnh viện Đa khoa TP Cần Thơ	3.496.827.513	2.623.681.587
Công ty TNHH TM Đông Phương	14.761.265	2.518.651.346
Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An	6.168.460.651	2.471.034.200
Cty CP Dược Hà Tĩnh	1.778.920.797	2.415.361.959
Bệnh Viện Nguyễn Trãi	249.394.858	2.402.975.616
Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Củ Chi	111.101.528	2.274.333.091
Bệnh Viện Quận 8	997.514.567	2.254.628.458
Bệnh Viện Ung Bướu Đà Nẵng	1.578.232.755	2.247.325.669
BV Mắt Bình Định	-	2.176.272.822
TTYT Vĩnh Thạnh	2.314.656.094	2.176.214.979
Bệnh Viện Nhi Đồng 1	6.835.200	2.171.944.037
CBF COFFEE Co., Ltd	2.048.372.348	2.048.372.348
BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	2.917.535.432	2.001.534.711
Bệnh viện đa khoa Tỉnh Bình Dương	930.335.796	1.957.996.471
Bệnh Viện Nhân Dân Gia Định	2.053.093.056	1.933.666.460
Bệnh Viện Hữu Nghị Việt Tiệp	814.540.020	1.817.454.492
Công ty TNHH Thanh Phương	1.278.742.500	1.766.572.500
BVĐK Tỉnh Bình Phước	883.089.018	1.722.133.939
Bệnh viện Giao Thông Vận tải Vinh	2.184.195.008	1.687.902.335
Bệnh viện Đa Khoa Cà Mau	1.235.361.645	1.681.432.650
Bệnh Viện Quân Y 175	1.103.089.612	1.635.220.734

956
TY
IN
THIẾT
ĐỊNH
AR)
BÌNH Đ

TTYT Phù Cát	840.048.649	1.619.067.304
Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa	2.473.802.790	1.612.945.120
Bệnh Viện Quận 2	130.572.995	1.573.093.705
Bệnh viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ	829.334.377	1.557.512.730
Bệnh Viện Đa khoa Khu Vực Thủ Đức	346.583.991	1.533.370.722
Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	2.263.720.368	1.490.288.552
Bệnh viện ĐK T.Bình Thuận	1.099.746.736	1.472.849.002
BVĐK Kon Tum	424.354.384	1.461.162.920
Cty CP XNK Y tế Gia lai	1.635.443.070	1.447.329.510
Bệnh Viện Trường Đại Học Y - Dược Huế	2.126.333.924	1.440.112.764
Công ty CP Dược-VTYT Thanh Hóa	1.634.163.995	1.430.986.048
Bệnh Viện Nhi Đồng 2	1.596.829.477	1.395.177.112
Bệnh Viện Trung Vương	282.681.295	1.394.047.786
Cty TNHH Đức Phát	344.137.500	1.389.648.750
Cty CP BV Đa Khoa Hòa Bình	259.672.980	1.301.834.595
Công Ty TNHH Đông Nam	9.065.920.002	-
BINH DINH PHARMA Co.,ltd	2.026.070.554	-
BVĐK KV Bồng Sơn	2.778.173.136	-
Bệnh viện hữu nghị đa khoa Nghệ An	5.045.315.980	-
BVĐK tỉnh Quảng Trị	2.557.899.878	-
Bệnh Viện Quận Bình Thạnh	4.129.486.436	-
Các khách hàng khác	179.672.827.307	152.810.362.993
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
c) Phải thu của khách hàng là người nội bộ	-	-

1.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	35.558.929.634	57.615.319.272
Công ty Sapharco	-	13.484.855.875
Công ty CBF Coffee	-	10.089.519.500
SHANGHAI TOFFLON	-	8.501.002.660
Công ty Trung Lập	13.949.730.000	3.228.960.000
Công ty Minh Khang	2.810.000.000	2.810.000.000
Cty CP CĐ Lạnh Đông Á	317.713.000	1.435.030.629
Cty CBF Coffee	8.346.801.572	-
Gold Lite	3.186.763.965	-
Các nhà cung cấp khác	6.947.921.097	18.065.950.608
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan	-	-
c) Trả trước cho người bán ngắn hạn là người nội bộ	-	-

1.3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	729.611.913	585.608.788
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn khách hàng	-	-
b) Phải thu về cho vay ngắn hạn CBCNV	729.611.913	585.608.788
Nguyễn Duy Nghĩa	232.083.607	246.185.482

Huỳnh Đồ Sơn	129.028.306	189.423.306
Sử Thị Liên	-	150.000.000
Lê Thị Ngọc	300.000.000	-
Trần Bá Hiệp	68.500.000	-
c) Phải thu về cho vay ngắn hạn là người nội bộ	-	-

Giải trình về khoản cho vay ngắn hạn:

Công ty cổ phần Dược Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) chính thức trở thành Công ty đại chúng vào ngày 25/11/2014 theo công văn chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước số 6546/UBCK-QLPH. Do đó, kể từ thời điểm trở thành công ty đại chúng, Công ty phải tuân theo các quy định về quản trị công ty đại chúng tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012.

Các cán bộ nhân viên có phát sinh khoản nợ vay ngắn hạn không phải cổ đông, không phải người liên quan, không phải người nội bộ của Công ty. Công ty thực hiện cho vay đối với các nhân viên này đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Thông tư số 121/2012/TT-BTC. Đối với các khoản cho vay này, Công ty đều tính lãi cho vay với lãi suất tương đương lãi suất cho vay cá nhân của các ngân hàng thương mại tại mỗi thời điểm phát sinh.

1.4. Khoản phải trả người lao động

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người lao động	69.140.733.254	70.359.021.189
Lương	68.707.223.254	69.959.958.689
Ăn ca	433.510.000	399.062.500

1.5. Hàng tồn kho

	<u>30/09/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự</u>
	<u>VND</u>	<u>phòng</u>	<u>VND</u>	<u>phòng</u>
		<u>VND</u>		<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	-	-	9.378.131.212	-
Nguyên liệu, vật liệu	121.763.371.214	-	102.393.581.842	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.933.771.504	-	12.130.527.257	-
Thành phẩm	120.951.258.331	-	79.319.439.684	-
Hàng hóa	39.761.898.199	-	27.897.377.047	-
	293.410.299.248	-	231.119.057.042	-

Nguyên nhân Công ty không trích lập dự phòng hàng tồn kho:

Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính V/v hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau: “Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm nếu giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thì doanh nghiệp phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho”.

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Tại thời điểm ngày 30/09/2017, hàng tồn kho của Công ty có giá gốc ghi trên sổ kế toán thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với giá bán sản phẩm dịch vụ không bị giảm giá đồng thời qua soát xét trong quá trình kiểm kê thì không có hàng hóa nguyên vật liệu kém chất lượng, hư hỏng hay hết hạn sử dụng nên Công ty không trích lập dự phòng hàng tồn kho.

1.6. Thuyết minh chi tiết về nợ xấu và chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi như hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 vì công ty trích lập, hoàn nhập dự phòng với giá trị lớn qua các năm.

a. Nợ xấu:

	30/09/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	10.753.635.393	284.696.385	(10.468.939.008)

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	30.09.2017
	VND
Số dư đầu năm	13.693.818.614
Tăng dự phòng	(3.224.879.606)
Số dư cuối năm	10.468.939.08

Giải trình việc không thuyết minh chi tiết nợ xấu trên BCTC:

Căn cứ Điều 101 Thông tư 200/2014/TT-BTC yêu cầu trình bày BCTC “Thông tin tài chính phải được trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu. Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thông tin thiếu chính xác có thể làm ảnh hưởng tới quyết định của người sử dụng thông tin tài chính của đơn vị báo cáo. Tính trọng yếu dựa vào bản chất và độ lớn, hoặc cả hai, của các khoản mục có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của một đơn vị cụ thể.”

Các khoản nợ xấu của Bidiphar hầu hết đều nằm tại các bệnh viện và trung tâm y tế. Vì lý do ngân sách nhà nước chưa giải ngân hoặc đang chờ giải ngân và đa số công nợ đều đòi được (do các khách hàng trên đều là tổ chức sử dụng kinh phí nhà nước) và đồng thời xét trên tổng thể công nợ phải thu khách hàng, Công ty đánh giá mức độ này không trọng yếu. Do đó, không trình bày chi tiết trên thuyết minh báo cáo tài chính.

b. Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Tại 30/09/2017

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND
F.D PHARMA Co.,ltd - Cambodia	7.373.536.864	-
Công ty Techcom life Việt Nam	147.868.000	-
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phúc An	2.553.912.959	-
Công Ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược Đường Minh	101.012.000	4.233.600
Các khách hàng khác	577.305.570	280.462.785
Cộng	10.753.635.393	284.696.385

2. Nội dung số 2:

Báo cáo tài chính riêng lẻ 9 tháng 2017: Giải trình sự không thống nhất khoản “Cổ tức và lợi nhuận được chia” giữa Thuyết minh 24 về “Doanh thu hoạt động tài chính” và Thuyết minh 29 về “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Khoản Chênh lệch “Cổ tức và lợi nhuận được chia” giữa Thuyết minh 24 về “Doanh thu hoạt động tài chính” và Thuyết minh 29 về “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” là do Công ty ghi nhận tiền tạm ứng cổ tức của Công ty CP Dược phẩm Nghệ An năm 2017 nhưng chưa loại trừ ra khi tính thuế TNDN. Công ty cam kết sẽ loại trừ khoản cổ tức này trong kỳ quyết toán TNDN năm 2017.

3. Nội dung số 3:

Thuyết minh về các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Cao su Bidiphar	Công ty liên kết
Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao	Công ty con
Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam	Công ty con
Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	Công ty con

a. Giao dịch với các bên liên quan:

	9T.2017 VNĐ	9T.2016 VNĐ
a1. Góp vốn vào Công ty con		
Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ Cao	523.764.782	-
Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam	1.044.975.778	-
Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	523.280.220	-

a2. Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc được nhận trong kỳ như sau:

	9T.2017	9T.2016
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.189.559.933	2.216.446.792

b. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

Cố tức phải trả	30.09.2017	01.01.2017
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bình Định	-	52.382.400.000

Trên đây là bản giải trình số liệu và cung cấp thông tin liên quan đến số liệu và thuyết minh chi tiết Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015; Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016; Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2017 và Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2017 của Công ty.

Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định đề nghị Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam xác nhận số liệu giải trình liên quan đến các nội dung trình bày trong các BCTC kiểm toán của Công ty được nêu trên đã được Quý Công ty kiểm toán.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC *nguyễn*

NGUYỄN VĂN QUÁ

